

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM THAO
TỈNH PHÚ THỌ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2022/ DS -ST

Ngày: 18/3/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thu Trang

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Phúc Hiếu

Ông Hà Thanh Phong

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Trọng Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Trần Lại Khánh Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 18/3/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 08/2021/TLST- DS ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐST - DS ngày 06 tháng 01 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2022; thông báo về việc mở lại phiên tòa số 03/2022/TB-TA ngày 27/01/2022; quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST- DS ngày 16/02/2022; quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2022; thông báo về việc mở lại phiên tòa số 06/2022/TB-TA ngày 21/02/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị L; sinh năm: 1933; địa chỉ: Khu 5, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ; Đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị L: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1973; địa chỉ: Khu 5, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

(Văn bản ủy quyền ngày 07/7/2021)

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1978; địa chỉ: Khu 8, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

(Anh T có mặt; chị L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa phía nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền là anh Bùi Văn T trình bày:

Do mối quan hệ quen biết là người cùng xã với nhau nên bà Bùi Thị L có cho chị Nguyễn Thị L vay số tiền 83.000.000 đồng (Tám mươi ba triệu đồng), chị L vay làm 03 lần cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 21/4/2012, chị Nguyễn Thị L có vay của bà Bùi Thị L số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận, mục đích vay để kinh doanh.

- Lần 2: Ngày 11/7/2012, chị Nguyễn Thị L có vay của bà Bùi Thị L số tiền 21.000.000đ (Hai mươi một triệu đồng), thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận, mục đích vay để kinh doanh.

- Lần 3: Ngày 25/4/2015, chị Nguyễn Thị L có vay của bà Bùi Thị L số tiền là 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng) lãi suất hai bên tự thỏa thuận; thời hạn vay 01 tháng, hạn đến ngày 26/4/2015 (âm lịch) sẽ trả nợ, mục đích vay để kinh doanh.

Cả ba lần vay nói trên, hai bên đều viết giấy biên nhận vay tiền, chị L có ký vào giấy vay tiền đó. Trong quá trình vay nợ, chị Nguyễn Thị L không trả được khoản tiền gốc và tiền lãi nào theo thỏa thuận mặc dù bà L đã đòi nhiều lần. Vì vậy, bà Bùi Thị L đề nghị Tòa án nhân dân huyện L buộc chị Nguyễn Thị L phải thanh toán cho bà L khoản tiền gốc là 83.000.000đ (Tám mươi ba triệu đồng chẵn), bà L không yêu cầu tính lãi.

Phía bị đơn là chị Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai đã thể hiện quan điểm như sau:

Chị Nguyễn Thị L nhất trí với quan điểm của bà Bùi Thị L về các khoản vay nói trên. Chị thừa nhận có vay của bà Bùi Thị L số tiền 83.000.000đ (Tám mươi ba triệu đồng), đã chia thành 3 lần vay, cụ thể các lần vay, thời hạn vay như bà L trình bày là đúng. Khi vay chị có viết giấy biên nhận vay tiền cho bà L. Trong quá trình vay chị đã thanh toán cho bà L nhiều lần nhưng do tin tưởng nên chị cũng không yêu cầu bà L ký giấy đã nhận tiền. Đến nay chị ước tính chỉ còn nợ lại bà Bùi Thị L đối với cả ba khoản vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Chị sẽ thanh toán số tiền này nếu bà Bùi Thị L xóa nợ tất khoản nợ cho chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng: Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L đối với chị Nguyễn Thị L.
- Buộc chị Nguyễn Thị L phải trả cho bà Bùi Thị L số tiền gốc là 83.000.000đ (Tám mươi ba triệu đồng), bà L không yêu cầu tính lãi.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị L phải chịu 4.150.000 đồng (Bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét công khai tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Bùi Thị L khởi kiện đòi chị Nguyễn Thị L phải trả số tiền đã vay là 83.000.000đ (Tám mươi ba triệu đồng chẵn) nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp nói trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, chị Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, chị Nguyễn Thị L cố tình không hợp tác. Việc chị L cố tình trốn tránh không đến Tòa, có nghĩa là chị L đã từ chối quyền được trình bày tại Tòa và không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị L là phù hợp.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện, phạm vi khởi kiện của nguyên đơn trên cơ sở căn cứ vào bản tự khai của các đương sự, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được. Hội đồng xét xử thấy:

Về khoản tiền vay: Việc bà Bùi Thị L cho chị Nguyễn Thị L vay số tiền 83.000.000đ (Tám mươi ba triệu đồng) làm ba lần cụ thể: Lần 1: Ngày 21/4/2012, chị Nguyễn Thị L có vay của bà Bùi Thị L số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng); lần 2: Ngày 11/7/2012, chị Nguyễn Thị L có vay của bà Bùi Thị L số tiền 21.000.000đ (Hai mươi một triệu đồng); lần 3: Ngày 25/4/2015, chị Nguyễn Thị L có vay của bà Bùi Thị L số tiền 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng) là có thật điều này được các

bên đương sự thừa nhận, chị L có vay tiền và ký vào các giấy vay tiền đó. Kể từ thời điểm đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định của Bộ luật dân sự.

Quá trình thực hiện hợp đồng phía nguyên đơn cho rằng bà đã đòi nhiều lần nhưng chị L chưa trả được cho bà khoản tiền gốc và tiền lãi nào. Xong phía chị Nguyễn Thị L xác định đã trả cho bà Bùi Thị L nhiều lần số tiền vay đến nay chị ước tính chỉ còn nợ lại bà L số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Tuy nhiên, chị Nguyễn Thị L khẳng định không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh việc chị đã trả tiền cho bà L. Do vậy, không có cơ sở xác định chị Nguyễn Thị L đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng hợp đồng đã ký kết.

Về lãi suất: Phía nguyên đơn không đề nghị tính lãi nên không đặt ra giải quyết.

Từ các căn cứ trên, buộc chị Nguyễn Thị L phải thanh toán cho bà Bùi Thị L số tiền gốc là 83.000.000đ (Tám mươi ba triệu đồng).

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L đối với chị Nguyễn Thị L.
2. Buộc chị Nguyễn Thị L phải trả cho bà Bùi Thị L số tiền gốc là 83.000.000đ (Tám mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị L phải chịu 4.150.000 đồng (Bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lâm Thao;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- CQ THA dân sự huyện L;
- Dương sự;
- Lưu HS vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thu Trang

